

Bản án số: 61/2019/HS-PT

Ngày: 15/10/2019

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nghiêm Thị Lượng

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Hữu Hòa

Ông Đinh Xuân Tuấn.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đinh Văn Khuyến –Thư ký TAND tỉnh Bắc Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Ông Ngô Xuân Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 145/2019/TLPT-HS ngày 30 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo Nguyễn Tiến N, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Đ do có kháng cáo của các bị cáo và bị hại đối với bản án sơ thẩm số 33/2019/HS-ST ngày 11/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Bắc Ninh.

*Bị cáo có kháng cáo:*

**1. Nguyễn Tiến N**, sinh năm 1962; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn Đ, Xã H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh ; nghề nghiệp: làm ruộng, (nguyên trưởng thôn Đ giai đoạn 2007-2009); trình độ học vấn: 09/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tiến C, sinh năm 1939 và bà Nguyễn Thị L (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị H (Tư H), sinh năm 1964 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1988; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Tại Quyết định số 05 ngày 16/5/2014 của Đảng ủy xã H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh đã quyết định kỷ luật bằng hình thức “Cảnh cáo” đối với Nguyễn Tiến N vì đã vi phạm bán, giao thầu đất sai thẩm quyền và vi phạm Luật ngân sách; hiện tại ngoại; có mặt.

**2. Nguyễn Văn Th**, sinh năm 1958; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn Đ, Xã H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh ; nghề nghiệp: làm ruộng (nguyên kế toán thôn Đ giai

đoạn 2007-2009); trình độ học vấn: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Ph (đều đã chết); có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1960 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1986; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Tại Quyết định số 06 ngày 16/5/2014 của Đảng ủy xã H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh đã quyết định kỷ luật bằng hình thức “Cảnh cáo” đối với Nguyễn Văn Th vì đã vi phạm bán, giao thầu đất sai thẩm quyền và vi phạm Luật ngân sách; hiện tại ngoại; có mặt.

**3. Nguyễn Văn Đ** (tên gọi khác: Nguyễn Văn Đạo), sinh năm 1965; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn Đ, Xã H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh ; nghề nghiệp: làm ruộng (nguyên bí thư chi bộ thôn Đ giai đoạn 2007-2009); trình độ học vấn: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị X (đều đã chết); có vợ là Đỗ Thị H, sinh năm 1968 và có 02 con, lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: không; hiện tại ngoại; có mặt.

\* *Người bào chữa cho bị cáo Đ*: Ông Hoàng Đình Lợi và ông Nguyễn Hữu Hậu - Luật sư thuộc Văn phòng luật sư số 68 Hà Nội – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

\* *Bị hại có kháng cáo*:

1. Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1971; có mặt.

2. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1987; vắng mặt.

Đều trú tại: Thôn Đ, Xã H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh ; đều có mặt.

3. Ông Đỗ Hữu Kh, sinh năm 1959; trú tại: thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

Trong vụ án này còn có người có bị hại là bà Nguyễn Thị L không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Giai đoạn từ năm 2007 đến 2009, Nguyễn Tiến N được bầu làm Trưởng thôn Đ, Nguyễn Văn Đ được bầu làm Bí thư chi bộ thôn Đ và Nguyễn Văn Th làm kế toán thôn Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Xuất phát từ nhu cầu xây dựng các công trình phúc lợi của thôn cũng như cần nguồn vốn đối ứng để trả nợ các công trình địa phương đã xây dựng và nhu cầu đất ở của nhân dân trong thôn, cho nên từ năm 2007, Cấp ủy do Nguyễn Văn Đ là bí thư và Ban quản lý (BQL) thôn Đ

gồm Nguyễn Tiến N và Nguyễn Văn Th đã họp và thống nhất đề nghị các cơ quan nhà nước có thẩm quyền chuyển đổi khu đất Cửa Trại của thôn Đ sang đất ở để giao cho nhân dân.

Ngày 03/08/2007, tại cuộc họp Chi bộ thôn Đ do Nguyễn Văn Đ chủ trì đã thống nhất về việc đề nghị ban lãnh đạo địa phương có kế hoạch thanh lý đất ở khu Cửa Trại. Sau đó, BQL thôn Đ đã báo cáo UBND xã H về việc chuyển đổi khu đất Cửa Trại của thôn Đ sang đất ở để giao cho nhân dân. Được UBND xã H đồng tình ủng hộ, BQL thôn Đ gồm Nguyễn Tiến N và Nguyễn Văn Th đã tiến hành họp thống nhất mức giá đất là 200.000đ/m<sup>2</sup> và thông báo trên loa cho người dân trong thôn có nhu cầu mua đất giãn dân thì đăng ký và nộp tiền. Sau đó, từ ngày 02/09/2007 BQL thôn Đ đã tiến hành nhận đơn và thu một phần tiền mua đất của các hộ dân.

Ngày 23/01/2008, xét đề nghị của UBND xã H tại công văn ngày 28/09/2007 và đề nghị của UBND huyện T tại công văn số 425, 426 cùng ngày 31/10/2007, Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh đã có công văn số 138 về việc đồng ý cho UBND xã H khảo sát khu đất quy hoạch điểm dân cư nông thôn tại thôn Đ, diện tích 0,5 ha.

Ngày 08/03/2008, tại Hội nghị quân dân chính đảng thôn Đ do Nguyễn Tiến N chủ trì, thành phần tham dự gồm có cấp ủy địa phương và trưởng các ban ngành trong địa phương, Hội nghị đã tiến hành họp xét duyệt các hộ đủ điều kiện đề nghị cấp trên cấp đất giãn dân tại khu Cửa trại, thôn Đ. Kết thúc hội nghị, mọi người tham dự đã thống nhất xét duyệt 30 hộ có danh sách cụ thể kèm theo đề nghị cấp trên cấp đất giãn dân đợt 1 năm 2009 thuộc khu vực đất Cửa Trại. Trong 30 hộ được xét duyệt thì có hộ ông Nguyễn Văn Hựu và hộ ông Nguyễn Văn Vẹn (Bẫy) đã nộp tiền cho BQL thôn ở giai đoạn trước năm 2007, nay được BQL thôn giai đoạn 2007 - 2009 trả nợ theo Biên bản bàn giao Trưởng thôn lập ngày 28/12/2006 giữa ông Nguyễn Văn Ngư với ông Nguyễn Tiến N.

Ngày 16/10/2008, Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Bắc Ninh ban hành Quyết định số 1150/QĐ-CT về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết khu dân cư mới thôn Đ, xã H, quy mô quy hoạch có tổng diện tích là 5.303,7m<sup>2</sup> trong đó đất ở là 3.600m<sup>2</sup> được chia làm 30 lô, đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật là 1.703,7 m<sup>2</sup> .

Ngày 25/11/2008, UBND huyện T, tỉnh Bắc Ninh đã có Công văn số 503 đề nghị UBND tỉnh Bắc Ninh thu hồi 5.266,1m<sup>2</sup> đất để giao xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Đ, xã H theo quy hoạch phân lô chi tiết được duyệt.

Đến ngày 23/01/2009, UBND tỉnh Bắc Ninh có quyết định số 148/QĐUBND về việc thu hồi 5.266,1m<sup>2</sup> đất gồm đất nông nghiệp và đất chuyên dùng giao đất cho UBND xã H để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ

thuật khu dân cư thôn Đ, xã H gồm: Đất ở (30 lô) 3.600 m<sup>2</sup> đất giao thông và hạ tầng 1.619,5m<sup>2</sup>; đất nông nghiệp khó canh tác 46,6m<sup>2</sup>.

Ngày 12/03/2009, Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng UBND huyện T tiến hành lập biên bản thẩm định tiền sử dụng đất ở, có sự tham gia của ông Tạ Thiên Tuyết - Chủ tịch UBND xã cùng Nguyễn Văn Dũng - Cán bộ địa chính và Nguyễn Văn Tá – Kế toán xã H, trong biên bản đã xác định tiền sử dụng đất ở là 30 lô với tổng diện tích là 3.600m<sup>2</sup> theo Quyết định số 148 ngày 23/01/2009 của UBND tỉnh Bắc Ninh là: 3.600m<sup>2</sup> x 112.000đ/m<sup>2</sup> = 403.200.000đ. Do vị trí trên chưa xây dựng hạ tầng kỹ thuật nên đề nghị áp dụng tiền sử dụng đất bằng 70% giá tiền sử dụng đất ở theo quy định: 403.200.000đ x 70% = 282.240.000đ.

Khi BQL thôn Đ tiến hành đo đất ngoài thực địa khu đất giãn dân được phê duyệt là 30 lô có diện tích là 3.600m<sup>2</sup>, Nguyễn Tiến N thấy khu quy hoạch có hai đường giao thông là không cần thiết nên có ý định chia thêm 04 lô, mỗi lô 120m<sup>2</sup>, tổng cộng là 480m<sup>2</sup> vào diện tích đất giao thông. Do vậy, tại Hội nghị triển khai kế hoạch giao đất giãn dân thôn Đ ngày 20/03/2009 do ông Tạ Thiên Tuyết – Chủ tịch UBND xã H chủ trì, thành phần tham dự gồm có: Ban thường vụ xã, thường trực HĐND, UBND, MTTQ cùng BQL thôn Đ, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Tiến N đều đề nghị cho địa phương được thu thêm 04 suất đất để địa phương có tiền trả nợ công trình xây dựng và điều chỉnh đường đi cho phù hợp. Tuy nhiên, kết thúc hội nghị mọi người đã thống nhất: “Phần điều chỉnh hồ sơ cấp đất phải được xây dựng lại và báo cáo cấp có thẩm quyền xét duyệt”. Ngoài ra, trong hội nghị ông Tạ Thiên Tuyết – Chủ tịch UBND có nêu giá đất là 198.000đ/m<sup>2</sup>, trong đó tiền sử dụng đất nộp ngân sách là 112.000đ/m<sup>2</sup>, tiền bồi thường thiệt hại là 50.000đ/m<sup>2</sup>, tiền bồi thường hoa màu là 9.000đ/m<sup>2</sup>, tiền chi khác là 3.800đ/m<sup>2</sup>. Như vậy, 01 lô đất có giá là 198.000đ/m<sup>2</sup> x 120m<sup>2</sup> = 23.760.000đ. Do đó, từ ngày 14/03/2009 đến 21/04/2009, BQL thôn tiếp tục thu số tiền còn thiếu của các hộ dân mua đất đã được xét duyệt, nhưng BQL thôn Đ vẫn thống nhất và được những hộ mua đất đồng ý ủng hộ giá mỗi lô đất là 26.000.000đ, trong đó gồm tiền phải đóng góp theo quy định và tiền ủng hộ địa phương xây dựng các công trình.

Ngày 23/03/2009, tại Hội nghị quân dân chính đảng thôn Đ do Nguyễn Tiến N chủ trì, tham dự gồm có Đ và Th. Biên bản hội nghị thể hiện: “*Theo quy hoạch địa phương được cấp 5.226m<sup>2</sup> chia làm 30 lô, mỗi lô 120m<sup>2</sup>, tổng số phải nộp tiền về trên là 403.200.000đ, trong đó địa phương đã quy hoạch từ những năm trước là 130m<sup>2</sup> (dài 26m x 5m) thu với giá là 200.000đ/m<sup>2</sup> = 26.000.000đ. Địa phương cấp mới 30 suất, trả nợ 02 suất (Ven, Hựu) còn 02 suất đầu thừa đuôi theo cấp nốt*”.

Ngày 24/03/2009, UBND huyện T, tỉnh Bắc Ninh có Quyết định số 111/QĐ-UB về việc phê duyệt phương án bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để giao đất xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Đ, xã H, trong đó diện tích thu hồi là 5.266,1m<sup>2</sup>, kinh phí bồi thường là 309.276.400đ.

Tuy không được cấp có thẩm quyền cho phép giao, bán đất hoặc phê duyệt thay đổi quy hoạch chi tiết khu dân cư mới thôn Đ từ 30 lô đất ở thành 34 lô đất ở, nhưng BQL thôn Đ vẫn tiếp tục giao, bán thêm 04 lô đất ngoài quy hoạch và thông báo đến các hộ dân có nhu cầu mua đất thì đăng ký, nộp tiền để nhằm mục đích lấy tiền trả nợ công trình xây dựng. Sau đó, từ ngày 24/03/2009 đến 28/06/2009 BQL thôn Đ đã thu tiền mua đất ngoài quy hoạch của 04 hộ dân gồm hộ ông Nguyễn Văn Quyển (Ng) thu 25.000.000đ, hộ ông Nguyễn Văn Bộ (L) thu 26.000.000đ, hộ ông Đỗ Hữu Kh thu 25.500.000đ và hộ ông Nguyễn Văn L thu 18.000.000đ. Tổng số tiền thu được do bán đất ngoài quy hoạch cho 04 hộ này là 94.500.000đồng. Đây là những hộ không có tên trong danh sách cấp đất cho 30 hộ tại cuộc họp xét giao đất ngày 08/03/2008.

Ngày 05/5/2009, Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Ninh đã ban hành thông báo số 17 về giá thu tiền sử dụng đất (không bao gồm chi phí xây dựng hạ tầng kỹ thuật của khu đất) thuộc dự án khu dân cư xã H, huyện T như sau: Từ lô số 01 đến lô số 30, diện tích 3.600m<sup>2</sup>, áp dụng bảng giá phụ lục số 3, nhóm 1, khu vực 3, vị trí 4 giá đất: 112.000đ/m<sup>2</sup> x 70% = 78.400đ/m<sup>2</sup>. Tổng cộng tiền sử dụng đất phải nộp là 282.240.000đồng.

Ngày 22/06/2009, Phòng tài nguyên môi trường huyện T, tỉnh Bắc Ninh đã lập biên bản giao đất xây dựng hạ tầng khu dân cư xã H cho UBND xã H có sự tham gia của Nguyễn Tiến N, Trưởng thôn Đ. Nội dung biên bản thể hiện: Giao cho UBND xã H là 5.219,5m<sup>2</sup> đất thực địa để xây dựng hạ tầng khu dân cư xã H, trong đó: Đất ở là 30 lô, diện tích 3.600m<sup>2</sup>; đất hạ tầng kỹ thuật là 1.619,5m<sup>2</sup>.

Ngày 16/07/2009, UBND xã H đã tổ chức cuộc họp thống nhất nội dung giao đất ở tới hộ theo Quyết định số 148/QĐ-UB ngày 23/01/2009 của UBND tỉnh Bắc Ninh. Tại cuộc họp, Nguyễn Tiến N có đề nghị giao theo số thứ tự địa phương đã ấn định từ trước, xem xét tạo điều kiện giao đất cho 04 hộ mà thôn đã thu tiền. Tuy nhiên, kết thúc hội nghị mọi người đã thống nhất "*Lập danh sách giao đất tới hộ theo phiếu thu tiền; Phân lô đất đảm bảo sự công bằng và tự chịu trách nhiệm trước UBND xã H*".

Sau đó, cuối tháng 07/2009 Nguyễn Tiến N đã lập danh sách cấp đất ở và phân lô cho 30 hộ đã đăng ký và nộp đủ tiền gửi UBND xã H để đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ theo thứ tự các lô đã lập. Danh

sách 30 hộ cấp đất này giống như danh sách xét giao đất tại Hội nghị quân dân chính đảng thôn Đ ngày 08/03/2008, trong đó không có tên 04 hộ mua 04 lô đất ngoài quy hoạch.

Ngày 10/09/2009, đại diện phòng tài nguyên môi trường huyện T cùng đại diện UBND xã H, trong đó có sự tham gia của Nguyễn Tiến N đã tiến hành lập biên bản và tiến hành giao đất ở cho 30 hộ gia đình, cá nhân mua đất theo như danh sách phân lô mà Nguyễn Tiến N đã lập tháng 07/2009.

Sau khi giao đất cho 30 hộ gia đình theo danh sách được xét duyệt và phù hợp với quy hoạch được duyệt, BQL thôn Đ đã cắm mốc ngoài thực địa và giao thêm 04 lô đất ngoài quy hoạch cho 04 hộ ông Nguyễn Văn L, hộ ông Đỗ Hữu Kh, hộ ông Nguyễn Văn B (L) và hộ ông Nguyễn Văn Q (Ng). Khi giao đất, BQL thôn Đ đã chỉ vị trí lô đất cho 04 hộ trên và lập 03 biên bản hợp thức hóa đất ở cho 03 (ba) hộ gia đình, trong biên bản có xác định tứ cạnh và diện tích cụ thể, trong đó: Hộ ông Nguyễn Văn Bộ biên bản hợp thức hóa đất ở đề ngày 29/04/2009, có diện tích 120m<sup>2</sup> hộ ông Nguyễn Văn Q biên bản hợp thức hóa đất ở đề ngày 21/4/2009, có diện tích 120m<sup>2</sup>, hộ ông Đỗ Hữu Kh biên bản hợp thức hóa đất ở đề ngày 20/4/2009, có diện tích 120m<sup>2</sup> và hộ ông Nguyễn Văn L có giấy biên nhận với nội dung ông Nguyễn Tiến N “xác nhận anh Nguyễn Văn L có mua 01 xuất đất giãn dân ở khu cửa trại với diện tích 120m<sup>2</sup>”. Các biên bản trên đều có chữ ký của Nguyễn Tiến N – Trưởng thôn ký xác nhận cùng với chữ ký của Nguyễn Văn Đ - Bí thư chi bộ và Nguyễn Văn Th- Kế toán thôn Đ. Mục đích Nh cùng Th và Đ ký vào các biên bản hợp thức hóa đất ở cho các hộ trên là để tạo điều kiện cho các hộ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Nghị định số 84/NĐ-CP năm 2007 của Chính phủ. Đến năm 2013, ông Khải thấy biên bản hợp thức hóa đất ở có tên ông Nguyễn Văn Ngu - Phó bí thư chi bộ thôn Đ nhưng không có chữ ký của ông Ngu trong biên bản. Do vậy, ông Kh đã bảo ông Ngu ký tên vào biên bản cho đầy đủ thành phần giao đất theo biên bản.

Tổng số tiền thu được từ việc bán 34 lô (xuất) đất giãn dân khu Cửa Trại, xã H là 824.000.000 đồng, trong đó: 30 lô đất trong quy hoạch là 729.500.000 đồng và 04 lô đất ngoài quy hoạch là 94.500.000 đồng. Tổng số tiền thu được, BQL thôn Đ đã nộp về ngân sách UBND xã là 403.268.000 đồng (tiền đất theo Quyết định 148 và tiền các hộ mua đất ứng hộ). Số tiền còn lại là 420.732.000 đồng, BQL thôn Đ đã chi trả cho việc giải phóng mặt bằng và trả tiền xây dựng các công trình ở địa phương.

Việc BQL thôn Đ giao, bán đất ngoài quy hoạch cho 04 hộ là không đúng theo danh sách những hộ mua đất được xét duyệt và các Quyết định được phê duyệt. Do đó, BQL thôn Đ đã không để lại diện tích đường giao thông theo đúng

quy hoạch là có 02 đường, mỗi đường rộng 12m mà chỉ để lại 01 đường rộng 4m dẫn tới các ô đất ngoài thực địa và ô đất trên hồ sơ địa chính có sự sai lệch. Đối với hộ ông Bộ (Luật) theo vị trí hiện trạng ngoài thực địa là ô số 7, đây là vị trí đã được các cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Long.

Sau khi được BQL thôn Đ giao đất ngoài quy hoạch, đến nay 04 hộ gia đình trên đã sử dụng cụ thể như sau: Năm 2010, ông Lành đã xây dựng 02 gian nhà trên đất, đến năm 2017 ông Lành phá 02 gian nhà đi rồi đổ thêm đất trồng cây. Hộ ông Kh đã xây dựng tường bao quanh lô đất để quản lý. Còn hộ ông Q (Ng) và hộ ông B (L) vẫn sử dụng lô đất được giao và giữ nguyên hiện trạng, không mua đi bán lại hay trao đổi với ai. Sau đó, các hộ gia đình trên đã nhiều lần khiếu nại và yêu cầu UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các lô đất đã mua ở trên. Đến ngày 21/2/2018 UBND huyện T, tỉnh Bắc Ninh đã ban hành kết luận số 20/KL-UBND về việc giải quyết đơn của bà Nguyễn Thị L (B) ở thôn Đ như sau: *“Ban quản lý thôn Đ tiến hành thu tiền và giao đất ở cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn Bộ 120m<sup>2</sup> và ba hộ khác gồm: ông Nguyễn Văn Q 120m<sup>2</sup>, ông Đỗ Hữu Kh 120m<sup>2</sup>, ông Nguyễn Văn L 120m<sup>2</sup> là không đúng thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật đất đai và không đúng theo quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt, không đủ điều kiện để công nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”*. Do vậy, UBND huyện T đã yêu cầu các ban ngành có liên quan tiến hành cấm lại mô mốc ngoài thực địa cho 30 hộ gia đình, cá nhân theo đúng quy hoạch được phê duyệt và yêu cầu BQL thôn Đ giai đoạn 2007- 2009 trả lại tiền cho 04 hộ gia đình trên. Nhưng sau đó, BQL thôn Đ không thực hiện nên ngày 05/03/2018 UBND huyện T đã chuyển toàn bộ hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc bán đất trái thẩm quyền của BQL thôn Đ đến Cơ quan CSĐT Công an huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

Ngày 16/01/2018 Cơ quan CSĐT Công an huyện T , tỉnh Bắc Ninh đã ban hành Yêu cầu định giá tài sản đề nghị Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T xác định trị giá đối với diện tích 480m<sup>2</sup> do Ban quản lý thôn Đ, xã Hbán, giao trái thẩm quyền cho 04 hộ gia đình năm 2009.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 25 ngày 30/06/2018 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận:

*“1. 480m<sup>2</sup> đất Ban quản lý thôn Đ, xã H đã bán trái thẩm quyền năm 2009 cho 04 hộ dân để sử dụng vào mục đích đất ở theo Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 23/01/2009 của UBND tỉnh Bắc Ninh nếu được công nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phải nộp ngân sách nhà nước với số tiền như sau : Vị trí thửa đất theo bảng giá đất ở nông thôn thuộc Nhóm 1 ; khu vực*

3 ; vị trí 2 ; hệ số điều chỉnh 01 lần có đơn giá 1.037.000đ/m<sup>2</sup>. Giá trị của cả khu đất là 480 x 1.037.000đ/m<sup>2</sup> = 497.760.000 đồng.

2. Căn cứ Kết luận số 1150/KL-UBND ngày 21/02/2018 của UBND huyện T về việc giải quyết đơn của bà Nguyễn Thị L, thôn Đ, xã H thì 04 lô đất trên không đủ điều kiện để công nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Về thiệt hại các hộ gia đình (04) đã nộp tiền để được sử dụng đất cho Ban quản lý thôn Đ, xã H là: 94.500.000 đồng”.

Quá trình điều tra, các hộ mua đất trong quy hoạch được xét duyệt đều xác nhận việc các hộ mua đất với giá 26.000.000đ/lô là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Trước khi mua đất thì các hộ đã được BQL thôn Đ thông báo về việc thu tiền bán đất sẽ được nộp về ngân sách nhà nước, ngân sách xã, chi trả giải phóng mặt bằng và một phần để xây dựng các công trình ở địa phương. Do vậy, đến nay các hộ gia đình mua đất trong quy hoạch không có yêu cầu hay đề nghị gì. Còn 04 hộ gia đình mua đất ngoài quy hoạch không yêu cầu BQL thôn trả tiền hay bồi thường dân sự mà chỉ đề nghị BQL thôn Đ và các cấp có thẩm quyền xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 04 hộ này.

Ngày 19/02/2019, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Văn Th đã tự nguyện mỗi người nộp 25.000.000đ cho Cơ quan CSĐT Công an huyện T , tỉnh Bắc Ninh, trước khi xét xử Nguyễn Tiến N nộp 20.000.000đ để bồi thường, khắc phục hậu quả cho người bị thiệt hại.

Với nội dung trên, bản án sơ thẩm số 33/2019/HS-ST ngày 11/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Ninh đã tuyên xử các bị cáo Nguyễn Tiến N, Nguyễn Văn Th và Nguyễn Văn Đ phạm tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

Áp dụng khoản 1, 4 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến N 18 tháng tù, bị cáo Nguyễn Văn Th 15 tháng tù, bị cáo Nguyễn Văn Đ 15 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Cấm các bị cáo đảm nhiệm chức vị liên quan đến lĩnh vực đất đai và quản lý hành chính nhà nước trong thời hạn 01 năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/7/2019, các bị cáo Nguyễn Tiến N, Nguyễn Văn Th và Nguyễn Văn Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.



Ngày 26/7/2019, bị hại Nguyễn Thị Ng, Nguyễn Văn L và Đỗ Hữu Kh kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo cho bị cáo Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo và bị hại giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị cáo N và Th thừa nhận hành vi toàn bộ hành vi phạm tội. Bị cáo Đ khai bị cáo không được bàn bạc ngay từ đầu, sau đó khi bị cáo N đề nghị ký hợp pháp hoá cho 04 hộ mua ngoài tiêu chuẩn thì bị cáo mới biết. Các bị cáo đều thừa nhận Bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” là đúng tuy nhiên hình phạt là nặng, do nhận thức pháp luật của các bị cáo còn hạn chế dẫn đến sai phạm, bản thân đã nhận thức được lỗi lầm, phạm tội lần đầu, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo cải tạo tại địa phương.

Bà Ng trình bày: Gia đình bà có mua 01 lô đất ngoài quy hoạch trị giá 25 triệu, bà đề nghị giải quyết đất cho bà và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích hành vi phạm tội, đánh giá các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo đã đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và các bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các bị cáo không tham gia tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, chỉ đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

Luật sư Hậu bào chữa cho bị cáo Đ phát biểu quan điểm: Bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s, v khoản 1 Điều 51 BLHS; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo là lao động chính, vì vậy đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị cáo cho hưởng án treo.

Luật sư Lợi bào chữa cho bị cáo Đ: Đề nghị xét xử các bị cáo theo BLHS năm 1999 vì hành vi phạm tội của các bị cáo ở thời điểm BLHS năm 1999 đang có hiệu lực. Điều 356 BLHS năm 2015 nặng hơn Điều 281 BLHS năm 1999 vì có hình phạt tiền nặng hơn. Về tội danh: Xét xử các bị cáo về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” là oan cho các bị cáo, vì tội này phải là chủ thể đặc biệt, phải là người có chức vụ, quyền hạn. Thôn, tổ dân phố không phải là đơn vị hành chính, các bị cáo không phải là viên chức, công chức. Các bị cáo không được ai có thẩm quyền giao nhiệm vụ, nên các bị cáo không có hành vi bán đất. Bị cáo Đ không trong ban quản lý thôn nên không phạm tội. Vì vậy đề nghị HĐXX hủy Bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án. Bị cáo Đ nhất trí với ý kiến của Luật sư.

Đổi đáp với Luật sư, bị cáo: Ý kiến của VKS cho rằng Ban quản lý thôn được nhân dân bầu ra và được UBND xã Hgioa cho làm thủ tục để xây dựng

phương án bồi thường giải phóng mặt bằng, thực hiện dự án... vì vậy Bản án sơ thẩm xét xử tội danh là đúng người, đúng tội. Bị cáo Đ không nằm trong ban quản lý thôn, nhưng tham gia bàn bạc bán đất và ký vào các biên bản hợp pháp hoá đất cho 04 hộ nên phạm tội với vai trò đồng phạm. Về áp dụng Điều luật, do BLHS năm 2015 quy định cụ thể trong cấu thành cơ bản phải gây thiệt hại về tài sản từ 10.000.000đ đến dưới 200.000.000đ... thì mới là tội phạm, vì vậy nhẹ hơn Điều 281 của BLHS năm 1999. Vì vậy VKS giữ nguyên quan điểm.

Đối đáp lại, các bên đều giữ nguyên quan điểm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tội danh: Luật sư bào chữa cho cho bị cáo Đ cho rằng các bị cáo không phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”, HĐXX nhận thấy: Tại Điều khoản 2 Điều 352 BLHS năm 2015. Khái niệm tội phạm về chức vụ nêu rõ: *“Người có chức vụ là người do bổ nhiệm, do bầu cử, do hợp đồng hoặc do một hình thức khác, có hưởng lương hoặc không hưởng lương, được giao thực hiện một nhiệm vụ nhất định và có quyền hạn nhất định trong khi thực hiện công vụ, nhiệm vụ”*.

Trong vụ án này, Trưởng thôn, kế toán thôn (BQL) là do nhân dân bầu ra có nhiệm vụ tổ chức thực hiện những công việc thuộc phạm vi thôn; thực hiện các nhiệm vụ do cấp trên giao và các nhiệm vụ khác tại cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật. Đối với dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Đ, xã H, Ban quản lý thôn, Chi bộ đã tổ chức họp hội nghị quân dân chính đảng bình xét được 30 hộ đủ tiêu chuẩn được cấp đất giao dân. Trên cơ sở đó có văn bản đề nghị và được xã, huyện, tỉnh phê duyệt. Sau khi dự án có quyết định phê duyệt. quá trình triển khai, thực hiện, thôn được UBND xã giao cho cắm mốc trên thực địa, phối hợp giao đất cho các hộ dân... Như vậy, các bị cáo đã được giao thực hiện nhiệm vụ với vai trò là Trưởng thôn, Kế toán (BQL thôn). Trong quá trình thực hiện, N và Th đã tổ chức họp hội nghị quân dân chính đảng có sự tham gia của bí thư chi bộ là bị cáo Đ, thống nhất cắt đường giao thông để chia dư ra 04 lô đất bán cho 04 hộ ngoài quy hoạch của dự án phê duyệt. Do vậy là các bị cáo phạm tội đồng phạm. Các bị cáo có hành vi làm trái nhiệm vụ được giao, gây thiệt hại cho 04 hộ gia đình (không được công nhận cấp giấy CNQSD đất) với tổng số là 94.500.000đồng. Vì vậy, hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Đối với việc áp dụng pháp luật, do khoản 1 Điều 356 BLHS năm 2015 đã quy định rõ mức độ gây thiệt hại để xem xét trách nhiệm hình sự, vì vậy HĐXX thấy phần đối đáp

của VKSND tỉnh Bắc Ninh là có căn cứ. Vì những phân tích trên, HĐXX nhận thấy Bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn Tiến N, Nguyễn Văn Th và Nguyễn Văn Đ phạm tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo khoản 1 Điều 356 BLHS năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2]. Xem xét kháng cáo xin giảm nhẹ và xin hưởng án treo của các bị cáo và các bị hại, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức; gây mất uy tín, mất lòng tin của nhân dân vào Nhà nước, đồng thời gây thiệt hại đến tài sản của những người bị hại. Hành vi của các bị cáo còn là nguyên nhân dẫn đến khiếu kiện kéo dài, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an ở nông thôn nên cần xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Khi lượng hình, án sơ thẩm đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo và quyết định mức hình phạt như vậy là phù hợp, không nặng. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới. Do vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và các bị hại, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị HĐXX không xem xét.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Tiến N, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn Đ (tên gọi khác: Nguyễn Văn Đ) và kháng cáo của các bị hại, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1, 4 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến N 18 (mười tám) tháng tù, bị cáo Nguyễn Văn Th 15 (mười lăm) tháng tù và bị cáo Nguyễn Văn Đ (tên gọi khác: Nguyễn Văn Đ) 15 (mười lăm) tháng tù về tội “ Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt để thi hành án.

- Cấm các bị cáo đảm nhiệm chức vụ liên quan đến lĩnh vực đất đai và quản lý hành chính nhà nước trong thời hạn 01 năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

2. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Các bị cáo Nguyễn Tiến N, Nguyễn Văn Th và Nguyễn Văn Đ (tên gọi khác: Nguyễn Văn Đ), mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Vụ 1 – TAND tối cao; TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- CSĐT, VKS, TAND huyện T ;
- Trại tạm giam; PC 10 Công an tỉnh Bắc

Ninh;

- Bị cáo; Luật sư; Người TGTT khác;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nghiêm Thị Lượng**